**BÀI 9: NHẬT BẢN**

**Tiết 1: TỰ NHIÊN – DÂN CƯ – TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**I. Điều kiện tự nhiên :**

- Vị trí : Nằm ở Đông Á, dài trên 3800 km, bao gồm 4 đảo lớn nhỏ và hàng ngàn đảo nhỏ.

- Biển: Nhiều vũng vịnh, có các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau bao quanh quần đảo tạo nên ngư trường lớn

**-** Địa hình**:** chủ yếu là đồi núi, đồng bằng nhỏ hẹp ven biển.

- Sông ngòi**:** ngắn dốc -🡪 có giá trị thủy điện.

**-** Khí hậu**:** Gió mùa, mưa nhiều, kéo dài Bắc –Nam (cận nhiệt, ôn đới ) 🡪pt nông nghiệp đa dạng.

**-** Khó khăn**:**

***+*** *Núi lửa – động đất* : Mỗi năm có 80 ngọn núi hoạt động và hàng ngàn trận động đất lớn nhỏ

***+*** *Khoáng sản****:*** Nghèo khoáng sản chủ yếu Than đá, đồng

**II. Dân cư :**

- Dân số : Đông, tỷ suất gia tăng thấp 0.1% (2005) 🡪> dân số có xu hướng già hóa.

- Phân bố : dân cư tập trung chủ yếu ở các thành phố ven biển

- Người lao động Nhật Bản cần cù, ý thức làm việc cao, nhà nước đầu tư cho giáo dục.

**III. Tình hình phát triển kinh tế :**

**\* Giai đoạn 1950 – 1973:**

- Tình hình:

+ Nhanh chóng khôi phục kinh tế sau chiến tranh

+ Tốc độ tăng trưởng cao

\* Nguyên nhân

+ Chú trọng đầu tư hiện đại hóa CN, tăng vốn đầu tư, áp dụng kĩ thuật mới

 + Tập trung cao độ vào các ngành CN then chốt có trọng điểm theo từng giai đoạn

 + Duy trì cơ cấu KT hai tầng: vừa phát triển xí nghiệp lớn, vừa tổ chức SX nhỏ.

**\* Giai đoạn 1975 - 2005**

-Từ 1973 - 1974, 1979 – 1980 : Tốc độ tăng trưởng KT giảm do khủng hoảng dầu mỏ.

- Từ 1986 – 1990 : GDP tăng trung bình 5.3%

- Từ 1991 : Tốc độ tăng trưởng KT chậm lại

- Hiện nay : Đứng thứ hai thế giới về KT, tài chính sau Hoa Kì

**Tiết 2: CÁC NGÀNH KINH TẾ VÀ CÁC VÙNG KINH TẾ NHẬT**

**I. Các ngành kinh tế :**

**1. Công nghiệp :**

- CN đứng thứ hai thế giới sau Hoa Kì

- Các ngành chiếm vị trí cao trên thế giới: Đóng tàu, ô tô, xe máy, rô bốt, dệt may, máy ảnh…

- Mức độ tập trung cao, nhiều nhất là trên đảo Hôn su. Các trung tâm CN tập trung chủ yếu ở ven biển, đặc biệt phía Thái Bình Dương

**2. Dịch vụ :**

- Chiếm 68% giá trị GDP

 **- Cường quốc thương mại và tài chính**

**- Thương mại:** Thứ tư thế giới,.

**- GTVT biển**: Có vai trò đặc biệt quan trọng, đứng thứ ba thế giới.

 Các cảng lớn 4: Cô bê, I – ô – cô – ha - ma, Tô ky ô, Ô xa ca

 **- Tài chính, ngân hàng** : Đứng hàng đầu thế giới, đầu tư nước ngoài ngày càng tăng

**3. Nông nghiệp :**

- Vai trò thứ yếu trong nền kinh tế, chiếm 1% GDP

- Diện tích đất canh tác ít: chỉ chiếm 14% diện tích lãnh thổ

- Nền NN thâm canh cao

 - Trồng trọt : + Lúa gạo : Chiếm 50% diện tích đất canh tác, ngày càng giảm.

 + Các cây có sản lượng đứng đầu thế giới: Chè, thuốc lá, dâu tằm

- Chăn nuôi : phát triển: bò, lợn, gà…

 - Đánh bắt, nuôi trồng hải sản :

 + Nuôi trồng được chú trọng phát triển (tôm, sò, ốc, rau câu, nuôi trai lấy ngọc…)

 + Đánh bắt có sản lượng: ngày càng tăng (cá thu, cá ngừ, tôm, cua…)

**II. Bốn vùng kinh tế lớn (SGK)**